



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

BẢN SAO

A&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/ THÁNG 12 NĂM 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 - 43

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần cơ điện Thủ Đức là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty cơ điện Thủ Đức theo Quyết định số 1795/QĐ-BCN ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301824508 ngày 03 tháng 12 năm 2010 (số cũ 4103008956 ngày 02 tháng 01 năm 2008) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 27 tháng 02 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03 tháng 12 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 80.730.000.000 VND.

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	45.952.220.000	56,92
Các cổ đông khác	34.777.780.000	43,08
Cộng	80.730.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 38.965.591
Fax : (84-8) 38.963.159
E-mail : codienthduc@vnn.vn
Mã số thuế : 0301824508

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Chế tạo máy biến áp; Chế tạo phụ tùng cho các nhà máy điện, phụ kiện đường dây và trạm điện, tủ bảng điện các loại; Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa, lắp đặt các tổ máy phát điện điện Diesel; Khai thác, xây dựng các công trình nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Xây lắp các công trình điện công nghiệp, dân dụng đến cấp điện 220KV; Gia công cơ khí, sản xuất trụ điện thép và giá đỡ thiết bị điện đến 500KV; Sản xuất các loại cáp điện, dây điện từ; Kinh doanh và nhập khẩu máy biến áp, các phụ tùng, thiết bị điện và thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông; Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa; Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại thành phố Hồ Chí Minh); Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh bất động sản; Môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản (trừ tư vấn pháp lý).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 23 tháng 4 năm 2011 như sau:

	Tỷ lệ	VND
Trích quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	511.317.867
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,08% lợi nhuận sau thuế	417.369.733
Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	4,08% lợi nhuận sau thuế	417.369.732
Chia cổ tức	11% vốn điều lệ	8.880.300.000
Cộng		10.226.357.332

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Văn Biên	Chủ tịch	11 tháng 11 năm 2007	-
Ông Lê Đình Kiệt	Thành viên	11 tháng 11 năm 2007	-
Ông Nguyễn Đình Phương	Thành viên	11 tháng 11 năm 2007	-
Ông Nguyễn Minh Quang	Thành viên	11 tháng 11 năm 2007	-
Ông Nguyễn Kim Thanh	Thành viên	11 tháng 11 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng Ban	06 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lê Minh Hải	Thành viên	11 tháng 11 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngọc Dung	Thành viên	11 tháng 11 năm 2007	-

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Đình Kiệt	Phó Giám đốc	02 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Tri Ân	Phó Giám đốc	02 tháng 01 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần cơ điện Thủ Đức tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Võ Văn Biên
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 4 năm 2012

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính

Số chứng thư **11715** Quyển số **06** /SCT/BS
Tại P. Bình Thới, Ngày **06** / **06** / **2012**





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0481/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần cơ điện Thủ Đức gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 25 tháng 3 năm 2011 có dạng ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần cơ điện Thủ Đức tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề lưu ý

Không phù nhận ý kiến nêu trên chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính các vấn đề sau:

- Công ty thay đổi tăng thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình làm chi phí khấu hao năm nay giảm 1.791.595.371 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước (xem thuyết minh số VIII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính).
- Công ty thay đổi tỷ lệ trích lập dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm từ 5% xuống 1% trên doanh thu bán sản phẩm trong năm làm cho chi phí bảo hành sản phẩm cần phải trích lập năm nay giảm 11.684.490.525 VND so với việc áp dụng tỷ lệ dự phòng như năm trước và dự phòng phải trả của các năm trước giảm và được hoàn nhập lại trong năm nay là 6.921.545.017 VND (xem thuyết minh số VIII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính).



- Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính trong việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm (xem thuyết minh số IV.18 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính). Theo đó chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền và các khoản công nợ ngắn hạn đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi đánh giá lại. Tuy nhiên, ảnh hưởng của việc xử lý này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là không đáng kể so với việc áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái do số dư ngoại tệ nhỏ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Hoàng Thu Huyền - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1257/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km9 Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		318.932.513.639	327.243.698.247
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	54.238.325.113	58.772.344.181
1. Tiền	111		3.938.325.113	10.743.844.516
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.300.000.000	48.028.499.665
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		78.415.857.258	115.574.638.620
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	76.596.627.665	108.336.370.489
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.250.129.715	8.695.294.635
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	6.429.748.887	5.412.345.498
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.5	(5.860.649.009)	(6.869.372.002)
IV. Hàng tồn kho	140		152.905.309.919	139.886.345.331
1. Hàng tồn kho	141	V.6	152.905.309.919	139.886.345.331
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.373.021.349	13.010.370.115
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	236.923.673	263.299.303
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.729.161	2.729.161
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	40.071.362	40.071.362
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	33.093.297.153	12.704.270.289

04
INC
NHIỆ
TC
V
HC

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km9 Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.095.094.907	42.886.031.541
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.965.593.765	35.327.589.373
1. Tài sản cố định hữu hình	221		32.487.698.467	34.267.164.734
<i>Nguyên giá</i>	222	V.10	88.602.816.007	84.981.069.401
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(56.115.117.540)	(50.713.904.667)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.477.895.298	1.060.424.639
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.448.179.500	6.731.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	10.089.265.685	7.593.274.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.13	(2.641.086.185)	(862.274.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		681.321.642	827.442.168
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	593.421.642	796.971.738
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	87.900.000	30.470.430
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		361.027.608.546	370.129.729.788

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km9 Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		267.958.354.094	278.517.230.317
I. Nợ ngắn hạn	310		265.958.728.289	277.451.422.910
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	177.887.851.426	163.200.799.674
2. Phải trả người bán	312	V.17	52.419.080.707	64.564.873.409
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	17.904.872.720	26.040.264.991
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	3.989.266.951	4.382.841.484
5. Phải trả người lao động	315	V.20	1.084.652.956	3.810.692.736
6. Chi phí phải trả	316	V.21	1.426.350.746	493.587.877
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	7.889.326.458	5.983.516.340
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.23	2.656.325.869	8.641.861.271
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	701.000.456	332.985.128
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.999.625.805	1.065.807.407
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		8.000.000	8.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	340.863.000	449.235.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	381.730.593	608.572.407
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.23	1.269.032.212	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		93.069.254.452	91.612.499.471
I. Vốn chủ sở hữu	410		93.069.254.452	91.612.499.471
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	80.730.000.000	80.730.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.27	(47.531.288)	(24.212.330)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	1.121.039.799	609.721.932
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	11.265.745.941	10.296.989.869
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		361.027.608.546	370.129.729.788

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km9 Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.28	71.456.694	72.627.779
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.513,78	1.739,35
Euro (EUR)		207,81	207,53
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012


Vương Thị Bảo Giang
Người lập biểu


Bùi Phước Quảng
Kế toán trưởng



Võ Văn Biên
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km9 Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

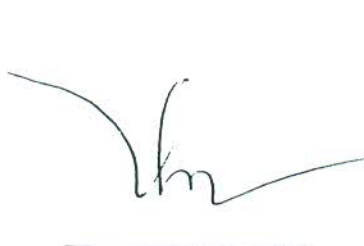
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	324.817.395.487	307.171.719.085
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	1.364.304.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	323.453.091.487	307.171.719.085
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	267.134.184.284	248.411.859.119
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.318.907.203	58.759.859.966
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.356.277.846	5.078.140.101
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	35.848.383.559	23.301.017.188
Trong đó: chi phí lãi vay	23		31.895.287.230	21.546.052.443
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.245.402.144	14.865.123.094
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.789.655.299	11.652.924.596
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.791.744.047	14.018.935.189
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.702.857.838	3.989.005.617
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.892.275.786	4.404.332.163
13. Lợi nhuận khác	40		(189.417.948)	(415.326.546)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.602.326.099	13.603.608.643
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	3.407.212.695	3.377.251.311
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.195.113.404</u>	<u>10.226.357.332</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.387</u>	<u>1.350</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012


Vương Thị Bảo Giang
 Người lập biểu


Bùi Phước Quảng
 Kế toán trưởng


Võ Văn Biên
 Chủ tịch HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km9 Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.602.326.099	13.603.608.643
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10	5.401.212.873	6.775.247.943
- Các khoản dự phòng	03	V.5,13	770.089.192	331.670.833
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.716.180.084)	(4.807.109.017)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	31.895.287.230	21.546.052.443
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.952.735.310	37.449.470.845
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26.538.508.331	(25.322.428.655)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13.018.964.588)	1.158.000.220
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(28.513.174.294)	18.561.430.073
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		229.925.726	(870.017.513)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(31.902.072.776)	(21.052.464.566)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(1.786.686.052)	(4.496.350.216)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	VII.1	945.991.930	3.195.649.531
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	VII.2	(9.486.041.056)	(6.942.686.760)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.039.777.469)	1.680.602.959
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(4.039.217.265)	(5.170.304.286)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.12	(4.383.080.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1.646.280.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.206.082.843	4.807.109.017
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.430.065.578	(363.195.269)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km9 Xa Lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	5.520.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	317.136.624.793	268.793.175.457
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16,25	(302.662.502.487)	(259.567.667.476)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.400.983.420)	(32.962.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.073.138.886	14.712.545.981
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.536.573.005)	16.029.953.671
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	58.772.344.181	42.742.390.510
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.553.937	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	54.238.325.113	58.772.344.181

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Vương Thị Bảo Giang
Người lập biểu

Bùi Phước Quảng
Kế toán trưởng

Võ Văn Biên
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế tạo máy biến áp; Chế tạo phụ tùng cho các nhà máy điện, phụ kiện đường dây và trạm điện, tủ bảng điện các loại; Thí nghiệm và sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa, lắp đặt các tổ máy phát điện Diesel; Kinh doanh và nhập khẩu máy biến áp, các phụ tùng, thiết bị điện và thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 517 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 520 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất năm khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	4 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	5

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Phí chuyển giao công nghệ

Phí chuyển giao công nghệ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 02 năm.

Chi phí kiểm định

Chi phí kiểm định bao gồm các chi phí phát sinh cho việc kiểm định các thiết bị, máy móc được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí khác

Các chi phí khác phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm. Riêng các khoản chi phí liên quan đến cổ phần hóa chưa được phân bổ do Công ty đang chờ quyết định xử lý từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập bằng 1% doanh thu bán sản phẩm (năm 2010 là 5% doanh thu bán sản phẩm).

14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ dự phòng tài chính	Bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ của Công ty
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5-10%	

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

31/12/2011 : 20.828 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý, tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính này được xác định theo giá trị hợp lý.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	39.401.800	160.032.200
Tiền gửi ngân hàng	3.898.923.313	10.583.812.316
Các khoản tương đương tiền	50.300.000.000	48.028.499.665
<i>Tiền gửi có hạn hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	54.238.325.113	58.772.344.181

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu liên quan đến hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ	61.214.552.990	81.418.786.022
Phải thu liên quan đến công trình thủy điện	15.382.074.675	26.917.584.467
Cộng	76.596.627.665	108.336.370.489

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán trong nước	1.250.129.715	4.654.748.318
Trả trước cho người bán nước ngoài	-	4.040.546.317
Cộng	1.250.129.715	8.695.294.635

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền đền bù mặt bằng số 8 Hàm Tử, quận 5, TP. Hồ Chí Minh	3.997.229.400	3.997.229.400
Phải thu về chi phí cổ phần hóa	74.599.753	474.599.753
Phải thu tiền lương do chi vượt quy định	823.282.327	823.282.327
Phải thu cổ tức Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình	544.250.000	-
Phải thu tiền đất ở Long Thành – Công ty TNHH Hoa Đăng	707.560.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	206.655.556	-
Các khoản phải thu khác	76.171.851	117.234.018
Cộng	6.429.748.887	5.412.345.498

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	1.998.706.311	1.448.910.059
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	387.622.702	91.772.190
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	731.185.054	9.125.000
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	24.277.820	1.104.561.705
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	855.620.735	243.451.164
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	3.861.942.698	5.420.461.943
Cộng	5.860.649.009	6.869.372.002

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.869.372.002	6.806.975.169
Trích lập dự phòng bổ sung	-	62.396.833
Hoàn nhập dự phòng	(1.008.722.993)	-
Số cuối năm	5.860.649.009	6.869.372.002

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	1.128.132.218	-
Nguyên liệu, vật liệu	64.726.506.093	49.494.236.361
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.110.609.989	24.544.006.499
Thành phẩm	42.940.061.619	65.782.816.471
Hàng hóa	-	65.286.000
Cộng	152.905.309.919	139.886.345.331

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	218.622.807	247.314.454
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	18.300.866	15.984.849
Cộng	236.923.673	263.299.303

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Khoản tiền phạt chậm nộp thuế nộp thừa.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	8.013.123.294	7.611.380.431
Các khoản cầm cố hàng tồn kho ⁽ⁱ⁾	23.124.422.663	3.856.956.599
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.847.163.136	1.127.345.199
Tài sản thiếu chờ xử lý	108.588.060	108.588.060
Cộng	33.093.297.153	12.704.270.289

(i) Giá trị sổ sách nguyên liệu, vật liệu của Công ty đang được cầm cố tại các kho hàng của các Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	16.478.148.006	54.002.326.721	12.463.617.507	1.681.759.156	355.218.011	84.981.069.401
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.490.888.882	909.892.806	1.076.561.662	27.548.180	116.855.076	3.621.746.606
Số cuối năm	17.969.036.888	54.912.219.527	13.540.179.169	1.709.307.336	472.073.087	88.602.816.007
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.930.467.057	16.191.974.378	5.636.621.261	1.496.587.883	255.112.817	28.510.763.396
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	8.511.374.085	31.025.666.771	9.373.178.896	1.496.663.358	307.021.557	50.713.904.667
Khấu hao trong năm	471.784.497	3.814.802.869	970.273.488	112.775.256	31.576.763	5.401.212.873
Số cuối năm	8.983.158.582	34.840.469.640	10.343.452.384	1.609.438.614	338.598.320	56.115.117.540
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.966.773.921	22.976.659.950	3.090.438.611	185.095.798	48.196.454	34.267.164.734
Số cuối năm	8.985.878.306	20.071.749.887	3.196.726.785	99.868.722	133.474.767	32.487.698.467
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 44.341.298.417 VND và 24.704.347.530 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	929.784.544	(929.784.544)	-
XDCB dở dang	1.060.424.639	3.109.432.721	(2.691.962.062)	1.477.895.298
Cộng	1.060.424.639	4.039.217.265	(3.621.746.606)	1.477.895.298

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		10.089.265.685		7.593.274.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình ⁽ⁱ⁾	1.088.500	9.789.265.685	719.400	7.293.274.000
- Công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ điện lực	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
Cộng		10.089.265.685		7.593.274.000

⁽ⁱ⁾ Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình:

- Bán 199.611 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.887.088.315 VND.
- Mua thêm 461.500 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 4.383.080.000 VND.
- Được chia 107.211 cổ phiếu thưởng.

Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức với số lượng là 881.500 cổ phiếu.

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn – Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	862.274.000	593.000.000
Trích lập dự phòng trong năm	1.778.812.185	269.274.000
Số cuối năm	2.641.086.185	862.274.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Phí chuyển giao công nghệ	119.073.333	-	(59.536.664)	59.536.669
Chi phí kiểm định	46.870.908	-	(27.030.391)	19.840.517
Phí tư vấn luật	72.000.000	-	(72.000.000)	-
Phí bảo hiểm	-	16.435.642	(8.217.820)	8.217.822
Các chi phí khác	559.027.497	37.572.727	(90.773.590)	505.826.634
Cộng	796.971.738	54.008.369	(257.558.465)	593.421.642

15. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	177.887.851.426	156.200.799.674
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Bình ⁽ⁱ⁾	29.304.473.218	19.902.220.669
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín – phòng giao dịch Đầm Sen ⁽ⁱⁱ⁾	550.000.000	22.058.594.573
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	49.993.432.619	34.993.476.712
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức ^(iv)	49.994.570.003	49.961.214.787
- Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình - phòng giao dịch Lê Văn Sĩ ^(v)	-	15.296.427.254
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Á - Phòng giao dịch Nguyễn Thị Định ^(vi)	19.959.392.065	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1 ^(vii)	12.288.612.017	9.189.963.387
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đức ^(viii)	15.797.371.504	4.798.902.292
Vay ngắn hạn tổ chức khác ^(ix)	-	7.000.000.000
Cộng	177.887.851.426	163.200.799.674

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Tân Bình để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp dựa trên hàng tồn kho bình quân để tại kho của Công ty với trị giá 64.000.000.000 VND.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín – Phòng giao dịch Đầm Sen để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp dựa trên hàng tồn kho và các khoản phải thu tại Công ty.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định tại Công ty.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp dựa trên số dư tài khoản tiền gửi, hàng tồn kho, các khoản phải thu tại Công ty và thế chấp tài sản cố định cũng như cổ phiếu tại Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình do Công ty nắm giữ.
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình – Phòng giao dịch Lê Văn Sĩ để bổ sung vốn lưu động.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Á – Phòng giao dịch Nguyễn Thị Định để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp dựa trên hàng tồn kho bình quân để tại kho của Công ty với trị giá 29.000.000.000 VND.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Sở giao dịch 1 để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (viii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Thủ Đức để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho của Công ty.
- (ix) Vay Tổng Công ty điện lực Việt Nam không tính lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Tăng do chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	156.200.799.674	317.136.624.793	104.557.446	(295.554.130.487)	177.887.851.426
Vay ngắn hạn tổ chức khác	7.000.000.000	-	-	(7.000.000.000)	-
Cộng	163.200.799.674	317.136.624.793	104.557.446	(302.554.130.487)	177.887.851.426

17. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Ngô Han	7.728.644.440	14.750.539.493
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	19.719.369.085	15.041.165.774
Công ty TNHH cơ khí Nam Việt	2.548.535.574	6.279.285.574
Công ty TNHH cơ khí dây dưng Megastar	1.007.007.765	3.015.198.765
Công ty TNHH một thành viên vật liệu điện và dụng cụ cơ khí	3.283.112.300	1.290.469.000
Công ty cổ phần cơ khí điện lực	1.000.351.328	1.000.351.328
Công ty TNHH cơ khí Đại Đồng	1.480.052.251	1.480.052.251
Công ty TNHH công nghệ thương mại Sông Hồng	2.200.470.052	-
Các nhà cung cấp khác	13.451.537.912	21.707.811.224
Cộng	52.419.080.707	64.564.873.409

18. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ	3.424.512.720	1.255.210.929
Trả trước liên quan đến công trình thủy điện	14.480.360.000	24.785.054.062
Cộng	17.904.872.720	26.040.264.991

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.670.923.442	6.196.037.655	(8.253.717.708)	1.613.243.389
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.569.630.354	(7.569.630.354)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.836.780.495	(1.836.780.495)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	699.109.202	3.407.212.695	(1.786.686.052)	2.319.635.845
Thuế thu nhập cá nhân	12.808.840	1.328.968.199	(1.285.389.322)	56.387.717
Tiền thuê đất	-	478.939.560	(478.939.560)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(40.071.362)	-	-	(40.071.362)
Cộng	4.342.770.122	20.820.568.958	(21.214.143.491)	3.949.195.589

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- | | |
|--------------------------------|------|
| - Sản phẩm xuất khẩu | 0 % |
| - Sản phẩm tiêu thụ trong nước | 10 % |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.602.326.099	13.603.608.643
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	109.358.681	226.486.600
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	14.711.684.780	13.830.095.243
Thu nhập được miễn thuế	(1.082.834.000)	(321.090.000)
Thu nhập tính thuế	13.628.850.780	13.509.005.243
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.407.212.695	3.377.251.311

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 48.994,6 m² đất đang sử dụng với mức 9.600 VND/m²/năm theo quy định tại điều 2 của hợp đồng thuê đất số 10308/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 17 tháng 12 năm 2008 với Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

Quỹ lương năm 2011 được xác định theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 0331/CĐTD-HĐQT ngày 28 tháng 02 năm 2012 về duyệt quyết toán quỹ tiền lương sản xuất kinh doanh năm 2011. Theo đó, quỹ tiền lương hạch toán vào chi phí giá thành sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011 là 26.975.342.843 VND.

Số dư cuối năm là quỹ lương năm 2011 chưa chi.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất các máy biến áp lực.	671.366.597	-
Chi phí vận chuyển máy biến thế	268.181.818	-
Chi phí lãi vay	486.802.331	493.587.877
Cộng	1.426.350.746	493.587.877

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	260.259.412	-
Kinh phí công đoàn	73.503.138	127.843.440
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.000.000	9.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.786.930.580	1.307.614.000
Phải trả về cổ phần hóa	-	400.000.000
Phải trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.533.206.638	1.533.206.638
Phải trả ngân sách Nhà nước khoản đầu tư tài sản cố định	1.435.461.000	1.435.461.000
Phải trả lãi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	580.708.333	580.708.333
Các khoản phải trả khác	1.210.257.357	589.682.929
Cộng	7.889.326.458	5.983.516.340

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả liên quan đến việc bảo hành máy biến thế đã bán. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	8.641.861.271
Tăng do trích lập	2.921.122.631
Số đã sử dụng	(716.080.804)
Số hoàn nhập	(6.921.545.017)
Kết chuyển sang dự phòng phải trả dài hạn	(1.269.032.212)
Số cuối năm	2.656.325.869

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	254.399.599	-	(142.655.557)	111.744.042
Quỹ phúc lợi	(313.954.005)	417.369.733	(324.068.580)	(220.652.852)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	392.539.534	417.369.732	-	809.909.266
Cộng	332.985.128	834.739.465	(466.724.137)	701.000.456

25. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín – Chi nhánh Hồ Chí Minh để mua sắm tài sản cố định với lãi suất 22%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	118.224.000	118.224.000
Trên 1 năm đến 5 năm	222.639.000	331.011.000
Tổng nợ	340.863.000	449.235.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	449.235.000	197.449.000
Số tiền vay phát sinh	-	332.000.000
Số tiền vay đã trả	(108.372.000)	(80.214.000)
Số cuối năm	<u>340.863.000</u>	<u>449.235.000</u>

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	608.572.407	424.724.260
Số trích trong năm	-	416.881.302
Số chi trong năm	(226.841.814)	(131.708.200)
Hoàn nhập quỹ do quyết toán cổ phần hóa	-	(101.324.955)
Số cuối năm	<u>381.730.593</u>	<u>608.572.407</u>

27. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	67.599.803.161	(9.701.617)	221.025.478	7.850.790.673	75.661.917.695
Tăng vốn do phát hành thêm cổ phiếu trong năm trước	5.520.000.000	-	-	-	5.520.000.000
Tăng vốn do chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	6.210.000.000	-	-	(6.210.000.000)	-
Tăng, giảm vốn do xử lý cổ phần hóa của Tập đoàn điện lực Việt Nam	1.400.196.839	-	-	-	1.400.196.839
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	10.226.357.332	10.226.357.332
Trích lập các quỹ năm trước	-	-	392.539.534	(1.570.158.136)	(1.177.618.602)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư của tiền và công nợ ngắn hạn	-	9.701.617	-	-	9.701.617
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	(24.212.330)	-	-	(24.212.330)
Giảm khác	-	-	(3.843.080)	-	(3.843.080)
Số dư cuối năm trước	<u>80.730.000.000</u>	<u>(24.212.330)</u>	<u>609.721.932</u>	<u>10.296.989.869</u>	<u>91.612.499.471</u>
Số dư đầu năm nay	80.730.000.000	(24.212.330)	609.721.932	10.296.989.869	91.612.499.471
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	11.195.113.404	11.195.113.404
Trích lập các quỹ năm nay	-	-	511.317.867	(1.346.057.332)	(834.739.465)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(8.880.300.000)	(8.880.300.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	24.212.330	-	-	24.212.330
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm nay	-	(47.531.288)	-	-	(47.531.288)
Số dư cuối năm nay	<u>80.730.000.000</u>	<u>(47.531.288)</u>	<u>1.121.039.799</u>	<u>11.265.745.941</u>	<u>93.069.254.452</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức các năm trước	15.622.000	32.962.000
Trả cổ tức 2010 (11% mệnh giá)	7.385.361.420	-
Cộng	7.400.983.420	32.962.000

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.073.000	8.073.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.073.000	8.073.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.073.000	8.073.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.073.000	8.073.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.073.000	8.073.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

28. Nợ khó đòi đã xử lý

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	72.627.779	79.756.022
Nợ khó đòi đã được thu hồi được	(1.171.085)	(7.128.243)
Số cuối năm	71.456.694	72.627.779

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	324.817.395.487	307.171.719.085
- Doanh thu bán hàng hóa	11.462.116.550	8.645.957.795
- Doanh thu bán thành phẩm	280.732.055.971	293.152.351.631
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.623.222.966	5.373.409.659
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.364.304.000)	-
Hàng bán bị trả lại	323.453.091.487	307.171.719.085
Doanh thu thuần	323.453.091.487	307.171.719.085
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	11.462.116.550	8.645.957.795
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	279.367.751.971	293.152.351.631
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	32.623.222.966	5.373.409.659

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	11.183.771.001	8.351.713.008
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	236.077.592.194	236.093.755.093
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.872.821.089	3.966.391.018
Cộng	267.134.184.284	248.411.859.119

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	200.874.185.962	195.636.163.388
Chi nhân công trực tiếp	26.915.109.659	36.252.401.067
Chi phí sản xuất chung	24.819.680.300	31.403.505.607
Tổng chi phí sản xuất	252.608.975.921	263.292.070.062
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(19.566.603.490)	14.220.643.238
Xuất sửa chữa	(19.872.821.089)	(3.966.391.020)
Tổng giá thành sản xuất	213.169.551.342	273.546.322.280
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	22.842.754.852	(37.452.567.187)
Nhập khác	65.286.000	-
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	236.077.592.194	236.093.755.093

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.873.677.399	4.481.545.698
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	143.384.496	184.282.072
Lãi tiền cho vay	-	4.473.319
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.083.311.000	321.090.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	255.904.951	86.749.012
Cộng	11.356.277.846	5.078.140.101

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	31.895.287.230	21.546.052.443
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.933.475.829	1.485.690.745
Lỗ bán cổ phiếu	240.808.315	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	1.778.812.185	269.274.000
Cộng	35.848.383.559	23.301.017.188

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	405.732.347	387.170.950
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.918.632	61.106.858
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.908.942	32.475.205
Chi phí bảo hành	(4.000.422.386)	3.176.616.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	502.096.747	1.142.995.932
Chi phí khác	9.259.167.862	10.064.757.298
Cộng	6.245.402.144	14.865.123.094

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.778.208.110	2.528.721.385
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.048.023.847	768.131.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	681.524.539	696.138.669
Thuế, phí và lệ phí	474.036.728	473.348.160
Chi phí dự phòng	(1.008.722.993)	62.396.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	390.375.267	480.681.117
Chi phí khác	6.426.209.801	6.643.507.283
Cộng	10.789.655.299	11.652.924.596

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bán phế liệu	3.615.399.582	3.806.779.909
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	1.171.085	7.128.243
Thu nhập khác	86.287.171	175.097.465
Cộng	3.702.857.838	3.989.005.617

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán phế liệu	3.234.411.492	4.139.739.720
Phạt do vi phạm hợp đồng	571.744.345	102.456.016
Phạt chậm nộp thuế	17.579.468	49.567.709
Chi phí khác	68.540.481	112.568.718
Cộng	3.892.275.786	4.404.332.163

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.195.113.404	10.226.357.332
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.195.113.404	10.226.357.332
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.073.000	7.573.932
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.387	1.350

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.073.000	6.900.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01 tháng 11 năm 2010 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	621.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 26 tháng 11 năm 2010	-	52.932
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.073.000	7.573.932

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	211.498.462.511	198.329.945.866
Chi phí nhân công	36.601.426.663	39.539.788.678
Chi phí khấu hao tài TSCĐ	5.401.212.873	6.775.247.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.177.491.974	19.553.761.905
Chi phí khác	22.838.260.432	29.577.764.378
Cộng	289.516.854.453	293.776.508.770

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. **Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh**
Tiền nhận ký quỹ và thu lại ký quỹ ngắn, dài hạn.

2. **Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh**

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	466.724.137	566.055.249
Tiền chi ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.639.316.919	6.376.631.511
Hoàn trả tiền ký quỹ	380.000.000	-
Cộng	9.486.041.056	6.942.686.760

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Áp dụng qui định kế toán mới**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.7 đến VII.11 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. **Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	727.086.554	760.332.699
Phụ cấp	4.780.000	4.380.000
Thù lao được hưởng	282.555.564	198.000.000
Cộng	1.014.422.118	962.712.699

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn điện lực Việt Nam	Công ty mẹ
Các Công ty con của Tập đoàn điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn điện lực Việt Nam		
Chia cổ tức	5.054.744.200	3.794.220.000
Trả nợ vay	7.000.000.000	-
Ban quản lý dự án thủy điện 7		
Bán máy biến thế	10.973.078.168	13.095.637.245
Dịch vụ vận chuyển	138.869.483	-
Công ty điện lực Bình Thuận		
Bán máy biến thế	3.274.057.000	3.672.154.000
Công ty TNHH một thành viên điện lực Đồng Nai		
Bán máy biến thế	4.270.970.909	604.697.748
Dịch vụ vận chuyển	2.123.103.636	-
Công ty TNHH một thành viên điện lực Đà Nẵng		
Bán máy biến thế	14.800.000.000	5.821.000.000
Dịch vụ vận chuyển	600.000.000	-
Dịch vụ phụ kiện	230.000.000	-
Ban quản lý dự án thủy điện 3		
Bán máy biến thế	308.492.810	29.470.235.793
Tổng Công ty điện lực Miền Nam TNHH		
Bán máy biến thế	103.081.455.840	31.347.119.046
Dịch vụ vận chuyển	1.578.047.619	-
Dịch vụ phụ kiện	962.400.000	-
Công ty truyền tải điện 4		
Dịch vụ vận chuyển	274.600.000	-
Dịch vụ sửa chữa	22.829.000	-
Công ty lưới điện cao thế Miền Nam		
Dịch vụ vận chuyển	842.931.818	-
Dịch vụ sửa chữa	18.503.541.819	-
Ban quản lý dự án thủy điện 1		
Bán máy biến thế	4.198.656.275	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty điện lực Kiên Giang		
Dịch vụ sửa chữa	665.904.863	124.123.874
Công ty điện lực Quảng Nam		
Bán máy biến thế	1.414.272.000	7.879.000.000
Công ty điện lực Quảng Ngãi		
Bán máy biến thế	3.610.542.000	1.985.000.000
Công ty điện lực Sóc Trăng		
Bán máy biến thế	5.791.213.000	-
Công ty điện lực Trà Vinh		
Bán máy biến thế	470.898.000	6.900.000
Công ty thí nghiệm Miền Nam		
Dịch vụ nhập khẩu ủy thác	11.397.273	-
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần cơ khí điện lực		
Ứng trước tiền mua vật tư	1.000.351.328	1.000.351.328
Ban quản lý dự án thủy điện 7		
Phải thu bán máy cho công trình thủy điện	4.182.735.961	15.468.991.173
Công ty điện lực Bình Thuận		
Phải thu bán máy biến thế	331.747.900	2.958.673.350
Công ty TNHH một thành viên điện lực Đồng Nai		
Phải thu bán máy biến thế	1.405.414.000	518.020.385
Công ty TNHH một thành viên điện lực Đà Nẵng		
Phải thu bán máy biến thế	11.080.250.000	1.507.000.000
Ban quản lý dự án thủy điện 3		
Phải thu bán máy cho công trình thủy điện	4.572.411.245	10.375.393.294
Tổng Công ty điện lực Miền Nam TNHH		
Phải thu bán máy biến thế	19.258.572.000	6.848.128.572
Công ty truyền tải điện 4		
Phải thu bán máy biến thế	204.613.544	204.613.544
Công ty lưới điện cao thế Miền Nam		
Phải thu bán máy biến thế	3.067.114.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ban quản lý dự án thủy điện 1</i>		
Phải thu bán máy cho công trình thủy điện	2.358.421.531	-
<i>Công ty điện lực Kiên Giang</i>		
Phải thu bán máy cho công trình thủy điện	43.464.183	-
<i>Công ty điện lực Quảng Nam</i>		
Phải thu bán máy biến thế	426.699.200	2.837.900.000
<i>Công ty điện lực Quảng Ngãi</i>		
Phải thu bán máy biến thế	3.205.478.473	2.183.500.000
<i>Công ty điện lực Sóc Trăng</i>		
Phải thu bán máy biến thế	1.347.515.400	-
<i>Công ty điện lực Trà Vinh</i>		
Phải thu bán máy biến thế	517.987.800	-
<i>Phải thu các Công ty khác trong cùng tập đoàn</i>		
Phải thu bán máy biến thế	9.608.571.942	24.583.616.481
Cộng nợ phải thu	62.611.348.507	68.486.188.127
<i>Công ty điện lực Kiên Giang</i>		
Trả trước bán máy cho công trình thủy điện	-	165.313.739
<i>Công ty thí nghiệm Miền Nam</i>		
Ủy thác nhập khẩu	2.327.814.008	-
<i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 1</i>		
Phải trả thiết kế thủy điện	1.312.874.700	1.312.874.700
<i>Công ty cổ phần cơ khí điện lực</i>		
Trả trước bán máy cho công trình thủy điện	14.480.360.000	14.480.360.000
<i>Tập đoàn điện lực Việt Nam</i>		
Phải trả cổ tức	2.500.000.000	1.218.690.000
Phải trả về quỹ hỗ trợ và sắp xếp cổ phần hóa	1.533.206.638	1.533.206.638
Lãi vay phải trả	580.708.333	580.708.333
Phải trả nợ vay	-	7.000.000.000
Cộng nợ phải trả	22.734.963.679	26.291.153.410

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất máy biến thế các loại.
- Dịch vụ sửa chữa, vận chuyển, lắp đặt.
- Hoạt động khác bao gồm: bán vật tư, hàng hóa, ủy thác nhập khẩu.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Sản xuất máy biến thế	Dịch vụ sửa chữa, vận chuyển, lắp đặt	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	279.367.751.971	32.623.222.966	11.462.116.550	-	323.453.091.487
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	279.367.751.971	32.623.222.966	11.462.116.550	-	323.453.091.487
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	37.750.105.043	12.045.054.467	278.345.549	-	50.073.505.059
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(10.789.655.299)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					39.283.849.760
Doanh thu hoạt động tài chính					11.356.277.846
Chi phí tài chính					(35.848.383.559)
Thu nhập khác					3.702.857.838
Chi phí khác					(3.892.275.786)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.407.212.695)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					11.195.113.404
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.093.225.634	-	-	-	4.093.225.634
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.658.771.338	-	-	-	5.658.771.338

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản xuất máy biến thế	Dịch vụ sửa chữa, vận chuyển, lắp đặt	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<u>(5.009.145.379)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(5.009.145.379)</u>
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	293.152.351.631	5.373.409.659	8.645.957.795	-	307.171.719.085
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>293.152.351.631</u>	<u>5.373.409.659</u>	<u>8.645.957.795</u>	<u>-</u>	<u>307.171.719.085</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>42.377.593.799</u>	<u>1.222.898.286</u>	<u>294.244.787</u>	<u>-</u>	<u>43.894.736.872</u>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					<u>(11.652.924.596)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					32.241.812.276
Doanh thu hoạt động tài chính					5.078.140.101
Chi phí tài chính					(23.301.017.188)
Thu nhập khác					3.989.005.617
Chi phí khác					(4.404.332.163)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.377.251.311)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>					<u>10.226.357.332</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>7.287.243.217</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.287.243.217</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>7.043.024.748</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7.043.024.748</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	<u>5.675.431.395</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.675.431.395</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các tài sản của Công ty được dùng chung để sản xuất các sản phẩm máy biến thế các loại. Do đặc điểm kinh doanh nên Công ty không theo dõi nợ phải trả cho từng lĩnh vực kinh doanh.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh năm trước

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp.

Ảnh hưởng của việc phân loại lại này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Phân loại lại	Số liệu sau phân loại
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản ngắn hạn	100	327.363.322.411	(119.624.164)	327.243.698.247
Các khoản phải thu	130	115.614.709.982	(40.071.362)	115.574.638.620
Các khoản phải thu khác	138	5.452.416.860	(40.071.362)	5.412.345.498
Tài sản ngắn hạn khác	150	13.089.922.917	(79.552.802)	13.010.370.115
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	119.624.164	(79.552.802)	40.071.362
Tổng cộng tài sản	270	370.249.353.952	(119.624.164)	370.129.729.788
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.502.465.648	(119.624.164)	4.382.841.484
Phải trả nội bộ	317	1.218.690.000	(1.218.690.000)	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.764.826.340	1.218.690.000	5.983.516.340
Tổng cộng nguồn vốn	440	370.249.353.952	(119.624.164)	370.129.729.788

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.461	(111)	1.350
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(51.816.000)	(4.755.293.017)	(4.807.109.017)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	42.204.763.862	(4.755.293.017)	37.449.470.845
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(30.223.353.485)	4.900.924.830	(25.322.428.655)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	13.223.360.915	5.338.069.158	18.561.430.073
Tiền lãi vay đã trả	13	(20.469.688.425)	(582.776.141)	(21.052.464.566)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3.195.649.531	3.195.649.531
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.002.339.847	(7.945.026.607)	(6.942.686.760)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.529.055.205	151.547.754	1.680.602.959
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.958.656.771	(151.547.754)	4.807.109.017
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(211.647.515)	(151.547.754)	(363.195.269)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm Công ty tăng thời gian khấu hao một số tài sản cố định hữu hình vì thực tế sử dụng những năm qua cho thấy thời gian khấu hao các năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao năm nay giảm 1.791.595.371 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

Ngoài ra Công ty cũng thay đổi tỷ lệ dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm từ 5% xuống 1% trên doanh thu bán sản phẩm trong năm. Ban Giám đốc Công ty tin rằng tỷ lệ mới này phản ánh hợp lý hơn chi phí bảo hành sản phẩm sẽ phát sinh. Việc thay đổi tỷ lệ này làm cho chi phí bảo hành sản phẩm cần phải trích lập năm nay giảm 11.684.490.525 VND so với việc áp dụng tỷ lệ dự phòng như năm trước và dự phòng phải trả của các năm trước giảm và được hoàn nhập lại trong năm nay là 6.921.545.017 VND.

6. Thuê hoạt động

Công ty thuê đất tại Km9 xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 48.994,6 m², thời gian thuê đến hết năm 2020.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	487.530.960	487.530.960
Trên 1 năm đến 5 năm	1.950.123.840	1.950.123.840
Trên 5 năm	1.950.123.840	2.437.654.800
Cộng	4.387.778.640	4.875.309.600

7. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.238.325.113	58.772.344.181	54.238.325.113	58.772.344.181
Phải thu khách hàng	70.735.978.656	101.466.998.487	70.735.978.656	101.466.998.487
Các khoản phải thu khác	7.390.758.092	5.155.045.029	7.390.758.092	5.155.045.029
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.448.179.500	6.731.000.000	7.448.179.500	6.731.000.000
Cộng	139.813.241.361	172.125.387.697	139.813.241.361	172.125.387.697
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	178.228.714.426	163.650.034.674	178.228.714.426	163.650.034.674
Phải trả người bán	52.419.080.707	64.564.873.409	52.419.080.707	64.564.873.409
Các khoản phải trả khác	10.102.690.583	11.754.179.840	10.102.690.583	11.754.179.840
Cộng	240.750.485.716	239.969.087.923	240.750.485.716	239.969.087.923

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản mục này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp cổ phiếu, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Sài Gòn, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Thủ Đức (xem thuyết minh số V.9, V.10, V.12, V.16 và V.25). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp như sau:

	Số đầu năm	Số cuối năm
Nguyên liệu, vật liệu	23.124.422.663	3.856.956.599
Nhà cửa, vật kiến trúc	7.717.743.983	7.500.228.190
Máy móc, thiết bị	14.750.429.632	16.149.690.940
Phương tiện, vận tải	2.192.260.689	2.094.940.123
Dụng cụ quản lý	43.913.226	83.495.462
Tài sản cố định khác	-	11.555.030
Cổ phiếu đầu tư dài hạn	5.788.810.500	2.150.454.545
Cộng	53.617.580.693	31.847.320.889

Công ty sẽ được giải chấp nguyên vật liệu thế chấp theo từng lần hoàn trả nợ gốc vay và được giải chấp toàn bộ khi Công ty hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản cố định hữu hình và cổ phiếu đầu tư dài hạn thế chấp nợ vay.

Tài sản nhận thế chấp

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

9. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty gửi tiền tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Km 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi vay phải trả) dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	189.610.468.829	216.214.378	189.826.683.207
Phải trả người bán	52.419.080.707	-	52.419.080.707
Các khoản phải trả khác	8.443.927.778	1.658.762.805	10.102.690.583
Cộng	250.473.477.314	1.874.977.183	252.348.454.497
Số đầu năm			
Vay và nợ	172.132.873.107	369.764.523	172.502.637.630
Phải trả người bán	64.564.873.409	-	64.564.873.409
Các khoản phải trả khác	11.137.607.433	616.572.407	11.754.179.840
Cộng	247.835.353.949	986.336.930	248.821.690.879

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

11. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá cả nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được giả định trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng 1 năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ USD.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

43